

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 120/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31-8-2023.
V/v tranh chấp về ly hôn và
nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Hiệp;
2. Bà Phan Thị Anh Thư.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Ngô Anh Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 636/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 136/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2023 và và Quyết định hoãn phiên tòa số: 50/2023/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị T, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 7 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Huỳnh Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh B chung sống với nhau vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện G, Tây Ninh ngày 17/9/2007. Chúng tôi chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là

do anh B thường xuyên uống rượu về nhà kiếm chuyện đánh đập vợ con. Trước đây chị đã một lần nộp đơn ly hôn nhưng vì anh B năn nỉ đoàn tụ nên chị cho anh B cơ hội, nhưng sau đó anh B vẫn không thay đổi, chị có khuyên can nhưng anh B không nghe. Đến khoảng năm 2021 chị đã dọn ra ngoài thuê phòng trọ sống và ly thân với anh B cho đến nay. Trong thời gian ly thân hai anh chị cũng không gặp nhau hòa giải hàn gắn gia đình được. Nên nay nhận thấy không thể sống chung được nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

Về con chung: Chị và anh B có 03 con chung tên Nguyễn Văn H, sinh ngày 18/4/2005, Nguyễn Văn H1, sinh ngày 30/6/2009 và Nguyễn Minh T1, sinh ngày 24/8/2018, hiện tại con chung đang sống với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi cháu H1 và cháu T1, chị không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu H đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

Đối với bị đơn – anh Nguyễn Văn B trình bày (Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/4/2023):

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị T chung sống với nhau vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện G, Tây Ninh ngày 17/9/2007. Anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống nên thường xuyên gây gỗ nhau nhiều lần. Đến khoảng năm 2021 chị T đã dọn ra ngoài sống và ly thân với anh cho đến nay. Trong thời gian ly thân hai anh chị vẫn không hòa giải hàn gắn gia đình được. Nay nhận thấy anh vẫn còn thương vợ con anh nên anh không đồng ý ly hôn với chị Huỳnh Thị T.

Về con chung: Anh và chị T có 03 con chung tên Nguyễn Văn H, sinh ngày 18/4/2005, Nguyễn Văn H1, sinh ngày 30/6/2009 và Nguyễn Minh T1, sinh ngày 24/8/2018, hiện tại con chung đang sống với chị T. Nếu ly hôn, con theo ai thì người đó nuôi, anh không cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu H đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên Tòa trình bày:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử: Thẩm phán, thư ký thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền, việc thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chị Huỳnh Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn là anh Nguyễn Văn B đã được tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh B là đúng theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu chưa thấy vấn đề vi phạm tố tụng nên đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử theo quy định.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị T, cho chị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn B. Về con chung: Áp dụng Điều 81, Điều 82 và Điều 83 giao 02 con chung tên Nguyễn Văn H1, sinh ngày 30/6/2009 và Nguyễn Minh T1, sinh ngày 24/8/2018 cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, chị T không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Đối với Nguyễn Văn H, sinh ngày 18/4/2005 đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên anh chị thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Chị T, anh B trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 chị Huỳnh Thị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Huỳnh Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Nguyễn Văn B được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh B theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T, anh B trên cơ sở tự nguyện và đi đến hôn nhân từ năm 2002 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện G, Tây Ninh ngày 17/9/2007 nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Theo chị T trình bày mâu thuẫn phát sinh là do vợ chồng chung sống không hợp nhau, anh B thường xuyên uống rượu và kiếm chuyện đánh đập chị, vợ chồng thường xuyên gây gổ nhau. Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/4/2023, anh B trình bày, vợ chồng chung sống nhưng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, gây gổ nhau và đến năm 2021 thì chị T đã bỏ ra ngoài sống và ly thân với anh cho đến nay, không hòa giải hàn gắn được nhưng anh không đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy: Việc phát sinh mâu thuẫn giữa chị T và anh B là có, cả hai điều thừa nhận vợ chồng chung sống nhưng thường xuyên gây gổ nhau và hiện tại cả hai anh chị đã sống ly thân với nhau từ năm 2021 đến nay mà vẫn không hòa giải, hàn gắn gia đình được. Do đó, căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, cho chị T được ly hôn với anh B là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Huỳnh Thị T và anh Nguyễn Văn B có 03 con chung tên Nguyễn Văn H, sinh ngày 18/4/2005, Nguyễn Văn H1, sinh ngày 30/6/2009 và Nguyễn Minh T1, sinh ngày 24/8/2018. Nay ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi 02 cháu

H1 và T1, Đối với cháu H đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện tại hai cháu H1 và T1 đang sống chung với chị T, từ ngày ly thân cho đến nay chị T vẫn nuôi con tốt, mặt khác, qua làm việc cháu có nguyện vọng được sống chung với chị T. Do vậy, cần giao hai cháu H1 và T1 cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn, chị T không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung do vậy nên ghi nhận.

Anh Nguyễn Văn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở

[4] Về tài sản chung: Chị Huỳnh Thị T và anh Nguyễn Văn B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị Huỳnh Thị T và anh Nguyễn Văn B trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Huỳnh Thị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Huỳnh Thị T với anh Nguyễn Văn B.

Chị Huỳnh Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

2. Về con chung: Ghi nhận chị Huỳnh Thị T với anh Nguyễn Văn B có 03 người con chung tên Nguyễn Văn H, sinh ngày 18/4/2005, Nguyễn Văn H1, sinh ngày 30/6/2009 và Nguyễn Minh T1, sinh ngày 24/8/2018, đối với Nguyễn Văn H đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên anh chị thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết, đối với hai cháu Nguyễn Văn H1 và Nguyễn Minh T1, anh chị thống nhất giao cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

Anh Nguyễn Văn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở .

3. Về tài sản chung: Chị Huỳnh Thị T và anh Nguyễn Văn B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Huỳnh Thị T và anh Nguyễn Văn B trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí: Chị Huỳnh Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình, khấu trừ tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0024970 ngày 05 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh. Chị T đã nộp xong tiền án phí hôn nhân sơ thẩm

Anh Nguyễn Văn B không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Chị T, anh B có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Phòng NVKT.TAT;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Chi cục THA Gò Dầu;
- UBND xã Phước Trạch, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Vân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Vân